SỞ GIAO DỊCH HÀNG HÓA VIỆT NAM	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 301../QĐ/TGĐ-MXV	*Hà Nội, ngày .07.. tháng .7.... năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Ban hành mức ký quỹ khi giao dịch liên kỳ hạn mặt hàng Nông sản tại Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam

TỔNG GIÁM ĐỐC SỞ GIAO DỊCH HÀNG HÓA VIỆT NAM

- *Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005;*
- *Căn cứ Nghị định số 158/2006/NĐ-CP ngày 28/12/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa;*
- *Căn cứ Nghị định số 51/2018/NĐ-CP ngày 9/4/2018 của Chính phủ ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 158/2006/NĐ-CP ngày 28/12/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa;*
- *Căn cứ Giấy phép thành lập Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam số 4596/GP-BCT do Bộ Công Thương cấp ngày 01/09/2010 và các Giấy phép sửa đổi, bổ sung;*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam;*
- *Căn cứ Quy chế Niêm yết và Giao dịch Hợp đồng Kỳ hạn tiêu chuẩn hàng hóa tại Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam;*
- *Xét đề nghị của Khối Quản lý giao dịch,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành các mức ký quỹ khi thực hiện giao dịch liên kỳ hạn (inter-month), mặt hàng Nông sản tại Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam (MXV) theo **Phụ Lục I** đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày **08/07/2021** và thay thế Quyết định số: 279/QĐ/TGĐ-MXV ngày 30/06/2021.

Điều 3. Ban Giám đốc, các Đơn vị nghiệp vụ trực thuộc Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam; Thành viên Kinh doanh; Thành viên Môi giới chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: HC./.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

G.P.T.L: 4596/GP-BCT-G.T.C.P
SỞ GIAO DỊCH HÀNG HÓA VIỆT NAM
Q. CẦU GIẤY - TP. HÀ NỘI

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Dương Đức Quang

PHỤ LỤC I

MỨC KÝ QUỸ GIAO DỊCH LIÊN KỲ HẠN (INTER-MONTH) MẶT HÀNG NÔNG SẢN TẠI SỞ GIAO DỊCH HÀNG HÓA VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 01/QĐ/TGĐ-MXV của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam ngày 07 tháng 7 năm 2021)

I. Danh sách các mức ký quỹ liên kỳ hạn mặt hàng Nông sản

1. Dầu đậu tương

STT	Tên hàng hóa	Nhóm hàng hóa	Sở Giao dịch hàng hóa nước ngoài liên thông	Kỳ hạn bắt đầu	Kỳ hạn kết thúc	Mức ký quỹ ban đầu	
1	Dầu đậu tương	Nông sản	CBOT	08/2021	09/2021	743	USD
2				08/2021	10/2021	798	USD
3				08/2021	12/2021	990	USD
4				08/2021	01/2022	1,320	USD
5				08/2021	03/2022	1,430	USD
6				08/2021	05/2022	1,540	USD
7				08/2021	07/2022	1,595	USD
8				09/2021	10/2021	440	USD
9				09/2021	12/2021	715	USD
10				09/2021	01/2022	990	USD
11				09/2021	03/2022	1,100	USD
12				09/2021	05/2022	1,210	USD
13				09/2021	07/2022	1,265	USD
14				10/2021	12/2021	303	USD
15				10/2021	01/2022	605	USD
16				10/2021	03/2022	770	USD
17				10/2021	05/2022	880	USD
18				10/2021	07/2022	1,100	USD
19				12/2021	01/2022	275	USD
20				12/2021	03/2022	440	USD
21				12/2021	05/2022	743	USD
22				12/2021	07/2022	880	USD
23				01/2022	03/2022	275	USD
24				01/2022	05/2022	440	USD
25				01/2022	07/2022	660	USD

26				03/2022	05/2022	275	USD
27				03/2022	07/2022	440	USD
28				05/2022	07/2022	248	USD

2. Đậu tương

STT	Tên hàng hóa	Nhóm hàng hóa	Sở Giao dịch hàng hóa nước ngoài liên thông	Kỳ hạn bắt đầu	Kỳ hạn kết thúc	Mức ký quỹ ban đầu	
1	Đậu tương	Nông sản	CBOT	08/2021	09/2021	908	USD
2				08/2021	11/2021	1,650	USD
3				08/2021	01/2022	1,705	USD
4				08/2021	03/2022	2,393	USD
5				08/2021	05/2022	2,448	USD
6				08/2021	07/2022	2,503	USD
7				09/2021	11/2021	908	USD
8				09/2021	01/2022	1,045	USD
9				09/2021	03/2022	1,375	USD
10				09/2021	05/2022	1,760	USD
11				09/2021	07/2022	1,815	USD
12				11/2021	01/2022	550	USD
13				11/2021	03/2022	935	USD
14				11/2021	05/2022	1,320	USD
15				11/2021	07/2022	1,430	USD
16				01/2022	03/2022	550	USD
17				01/2022	05/2022	825	USD
18				01/2022	07/2022	1,320	USD
19				03/2022	05/2022	550	USD
20				03/2022	07/2022	770	USD
21				05/2022	07/2022	550	USD

3. Khô đậu tương

Stt	Tên hàng hóa	Nhóm hàng hóa	Sở Giao dịch hàng hóa nước ngoài liên thông	Kỳ hạn bắt đầu	Kỳ hạn kết thúc	Mức ký quỹ ban đầu

1	Khô đậu tương	Nông sản	CBOT	08/2021	09/2021	605	USD
2				08/2021	10/2021	1,155	USD
3				08/2021	12/2021	1,403	USD
4				08/2021	01/2022	1,551	USD
5				08/2021	03/2022	1,568	USD
6				08/2021	05/2022	1,595	USD
7				08/2021	07/2022	1,650	USD
8				09/2021	10/2021	605	USD
9				09/2021	12/2021	1,155	USD
10				09/2021	01/2022	1,293	USD
11				09/2021	03/2022	1,348	USD
12				09/2021	05/2022	1,375	USD
13				09/2021	07/2022	1,430	USD
14				10/2021	12/2021	605	USD
15				10/2021	01/2022	853	USD
16				10/2021	03/2022	963	USD
17				10/2021	05/2022	1,073	USD
18				10/2021	07/2022	1,155	USD
19				12/2021	01/2022	605	USD
20				12/2021	03/2022	825	USD
21				12/2021	05/2022	935	USD
22				12/2021	07/2022	1,045	USD
23				01/2022	03/2022	605	USD
24				01/2022	05/2022	781	USD
25				01/2022	07/2022	935	USD
26				03/2022	05/2022	605	USD
27				03/2022	07/2022	781	USD
28				05/2022	07/2022	385	USD

4. Lúa mỳ

STT	Tên hàng hóa	Nhóm hàng hóa	Sở Giao dịch hàng hóa nước ngoài liên thông	Kỳ hạn bắt đầu	Kỳ hạn kết thúc	Mức ký quỹ ban đầu	
1	Lúa mỳ	Nông sản	CBOT	09/2021	12/2021	330	USD

2				09/2021	03/2022	440	USD
3				09/2021	05/2022	578	USD
4				09/2021	07/2022	715	USD
5				12/2021	03/2022	303	USD
6				12/2021	05/2022	330	USD
7				12/2021	07/2022	578	USD
8				03/2022	05/2022	248	USD
9				03/2022	07/2022	495	USD
10				05/2022	07/2022	440	USD

5. Ngô

STT	Tên hàng hóa	Nhóm hàng hóa	Sở Giao dịch hàng hóa nước ngoài liên thông	Kỳ hạn bắt đầu	Kỳ hạn kết thúc	Mức ký quỹ ban đầu	
1	Ngô	Nông sản	CBOT	09/2021	12/2021	660	USD
2				09/2021	03/2022	935	USD
3				09/2021	05/2022	990	USD
4				09/2021	07/2022	1,045	USD
5				12/2021	03/2022	495	USD
6				12/2021	05/2022	825	USD
7				12/2021	07/2022	990	USD
8				03/2022	05/2022	330	USD
9				03/2022	07/2022	605	USD
10				05/2022	07/2022	330	USD

Ghi chú: Các trường hợp khác theo quy định của Sở Giao dịch hàng hóa ở nước ngoài có liên thông.

II. Danh sách các mức ký quỹ ban đầu theo kỳ hạn mặt hàng Nông sản

1. Dầu đậu tương

STT	Tên hàng hóa	Mã hàng hóa	Nhóm hàng hóa	Sở Giao dịch hàng hóa nước ngoài liên thông	Kỳ hạn hợp đồng	Mức ký quỹ ban đầu	
1	Dầu đậu tương	ZLE	Nông sản	CBOT	**08/2021**	**3,300**	**USD**
2					**09/2021**	**3,080**	**USD**

3					**10/2021**	**2,998**	**USD**
4					**12/2021**	**2,970**	**USD**
5					**01/2022**	**2,778**	**USD**
6					**03/2022**	**2,640**	**USD**
7					05/2022	2,420	USD
8					**07/2022**	**2,310**	**USD**

2. Đậu tương

STT	**Tên hàng hóa**	**Mã hàng hóa**	**Nhóm hàng hóa**	**Sở Giao dịch hàng hóa nước ngoài liên thông**	**Kỳ hạn hợp đồng**	**Mức ký quỹ ban đầu**	
1	Đậu tương	ZSE	Nông sản	CBOT	**08/2021**	**5,500**	**USD**
2					**09/2021**	**5,500**	**USD**
3					**11/2021**	**5,500**	**USD**
4					**01/2022**	**5,500**	**USD**
5					**03/2022**	**5,280**	**USD**
6					**05/2022**	**5,170**	**USD**
7					**07/2022**	**4,950**	**USD**

3. Khô đậu tương

STT	**Tên hàng hóa**	**Mã hàng hóa**	**Nhóm hàng hóa**	**Sở Giao dịch hàng hóa nước ngoài liên thông**	**Kỳ hạn hợp đồng**	**Mức ký quỹ ban đầu**	
1	Khô đậu tương	ZME	Nông sản	CBOT	**08/2021**	**3,520**	**USD**
2					**09/2021**	**3,300**	**USD**
3					**10/2021**	**3,300**	**USD**
4					**12/2021**	**3,300**	**USD**
5					**01/2022**	**3,300**	**USD**
6					**03/2022**	**3,025**	**USD**
7					**05/2022**	**2,970**	**USD**
8					**07/2022**	**2,695**	**USD**

4. Lúa mỳ

STT	Tên hàng hóa	Mã hàng hóa	Nhóm hàng hóa	Sở Giao dịch hàng hóa nước ngoài liên thông	Kỳ hạn hợp đồng	Mức ký quỹ ban đầu	
1	Lúa mỳ	ZWA	Nông sản	CBOT	09/2021	2,475	USD
2					12/2021	2,420	USD
3					03/2022	2,310	USD
4					05/2022	2,200	USD
5					07/2022	2,090	USD

5. Ngô

STT	Tên hàng hóa	Mã hàng hóa	Nhóm hàng hóa	Sở Giao dịch hàng hóa nước ngoài liên thông	Kỳ hạn hợp đồng	Mức ký quỹ ban đầu	
1	Ngô	ZCE	Nông sản	CBOT	09/2021	2,585	USD
2					12/2021	2,365	USD
3					03/2022	2,283	USD
4					05/2022	2,255	USD
5					07/2022	2,200	USD

Ghi chú: Các trường hợp khác theo quy định của Sở Giao dịch hàng hóa ở nước ngoài có liên thông.

III. Mức ký quỹ áp dụng tại MXV

- Mức ký quỹ ban đầu áp dụng tại MXV bằng 120% mức ký quỹ ban đầu tại các Sở Giao dịch hàng hóa ở nước ngoài có liên thông được công bố trong danh sách trên.
- Mức ký quỹ ban đầu trong danh sách trên sẽ được tính toán theo tỷ giá quy đổi do MXV công bố trong từng thời điểm.